



BẢN TIN TUẦN IPC

Số 24/22, 13-17/06/2022

THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này cho thấy phản ứng chiều, chỉ có giá tiêu đen nội địa Việt Nam ghi nhận sự gia tăng.
02. Ấn Độ - Giá tiêu đen Ấn Độ cho thấy chiều hướng giảm trong tuần này.
03. Indonesia - Giá tiêu Indonesia giảm trong tuần này do đồng Rupial Indonesia giảm 2% so với USD (14.743 IDR/USD) và khó mua được hàng từ nông dân.
04. Malaysia - Giá tiêu Malaysia giao dịch trong nước và thị trường quốc tế ổn định và không thay đổi.
05. Sri Lanka - Giá tiêu nội địa Sri Lanka giảm trong tuần này.
06. Việt Nam - Chỉ có giá tiêu đen nội địa Việt Nam ghi nhận sự gia tăng trong tuần này. Trong khi đó giá tiêu Việt Nam giao dịch trên thị trường quốc tế tiếp tục theo xu hướng giảm.
07. Thị trường Hoa Kỳ, châu Âu và Trung Quốc ít hoạt động khi nguồn cung từ các quốc gia sản xuất hạn chế. Giá tiêu trắng Muntok ở mức 6.800 USD theo CF tháng 6/7.
08. Xuất khẩu Hồ tiêu của Anh (2020-2022).

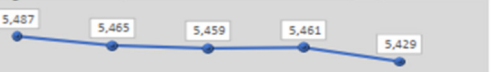
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (13-17/06/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi	6,298 6,305 6,207 6,217 -	6,257 - 6,364	-2% ↓
 Ex-Lampung	3,101 3,089 3,086 3,087 3,069	3,086 - 3,378	-9% ↓
 Ex-Kuching	4,100 4,088 4,092 4,111 4,113	4,101 - 4,115	0% ↔
 Ex- HCM	3,161 3,183 3,183 3,183 3,183	3,178 - 3,161	1% ↑
 Sri Lanka	4,785 - 4,785 4,785 4,786	4,785 - 4,821	-1% ↓

Sources:

- India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
- Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service
- Malaysia : Malaysian Pepper Board
- Sri Lanka : Department of Export Agriculture
- Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
- China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

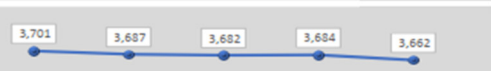
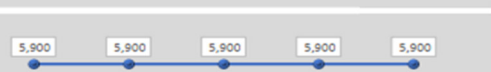
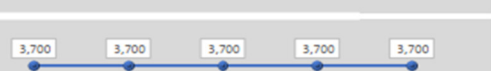
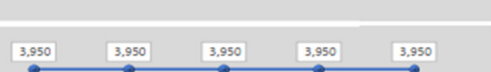
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (13-17/06/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang		5,460 – 5,688	-4% ↓
 Ex-Kuching		5,861 – 5,882	0% ↔
 Ex-HCM		4,839 – 4,839	0% ↔
 Ex-Hainan		6,185 – 6,185	0% ↔

Sources:

• India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

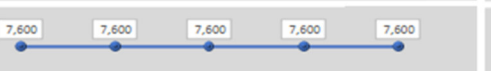
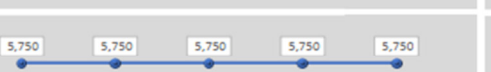
GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (13-17/06/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA		6,513 – 6,621	-2% ↓
 Lampung ** ASTA		3,683 – 4,019	-8% ↓
 Kuching ASTA		5,900 – 5,900	0% ↔
 Ho Chi Minh 500g/l		3,700 – 3,750	-1% ↓
 Ho Chi Minh 550g/l		3,950 – 3,990	-1% ↓

Sources:

• India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

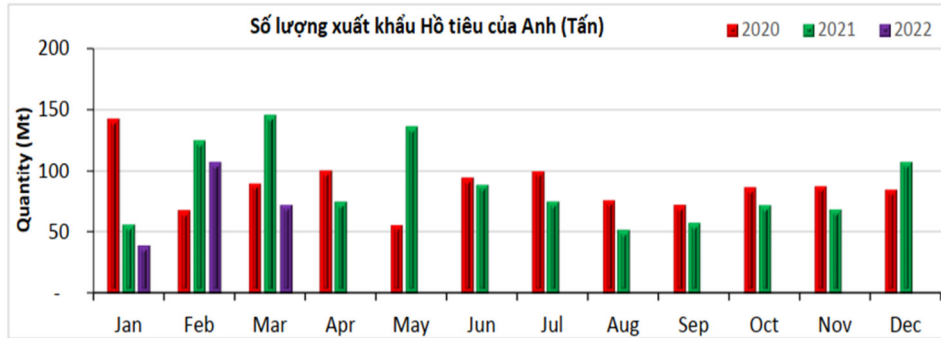
GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (13-17/06/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ		6,312 – 6,570	-4% ↓
 Kuching ASTA		7,600 – 7,600	0% ↔
 Ho Chi Minh FAQ		5,750 – 5,790	-1% ↓
 Haikou FAQ		6,385 – 6,385	0% ↔

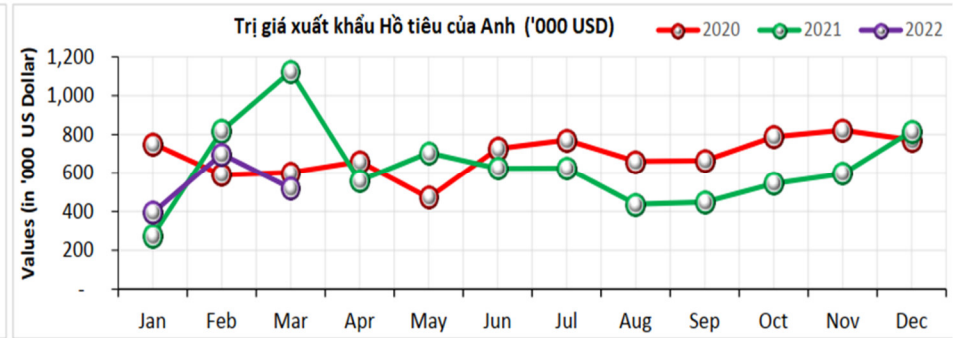
Sources:

• India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

XUẤT KHẨU HỒ TIÊU CỦA ANH



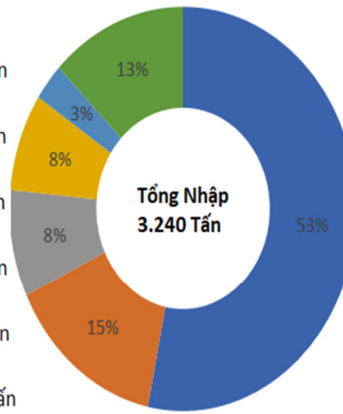
5 quốc gia cung cấp Hồ tiêu lớn nhất của Anh
3 tháng đầu năm 2022



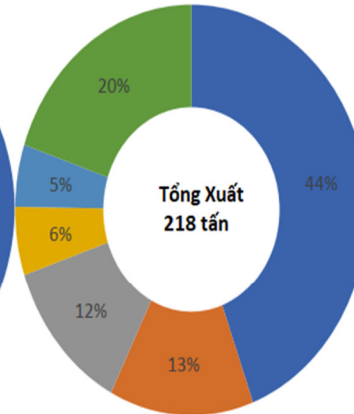
5 thị trường tiêu thụ Hồ tiêu lớn của Anh
3 tháng đầu năm 2022



1 Việt Nam	: 1,726 Tấn
2 Hà Lan	: 475 Tấn
3 Indonesia	: 278 Tấn
4 Ấn Độ	: 253 Tấn
5 Sri Lanka	: 97 Tấn
6 Khác	: 411 Tấn



Tỷ lệ Nhập: Xuất = 15:1



1 Ireland	: 97 Tấn
2 Pháp	: 29 Tấn
3 Hà Lan	: 27 Tấn
4 UAE	: 12 Tấn
5 Ba Lan	: 11 Tấn
6 Khác	: 43 Tấn





Xuất khẩu Hồ tiêu của Anh (2020-2022)

2020

2021

2022*

Tổng lượng xuất (tấn)

1,056

1,062

218

Tổng trị giá xuất ('000 USD)

\$8,284

\$7,575

\$1,613

Tiêu hạt

45%

34%

37%

Thị phần (%)

Tiêu xay

55%

66%

63%

Chênh lệch (%)

n.a

1%

-33%

Tiêu hạt

\$ 7,238

\$ 8,991

\$ 6,770

Giá xuất khẩu (USD/tấn)

Tiêu xay

\$ 8,344

\$ 6,180

\$ 7,753

* Tính đến tháng 3/2022

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)



GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	7,000 CF Jun/Jul	n.a
Lampung black (ASTA)	4,200 CF Jun/Jul/Aug	n.a
Sri Lanka black	5,775 CF Jun/Ju	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	n.a
Sarawak black (YL)	4,900 / Mt FOB Prompt	n.a
Viet Nam black (ASTA)	4,625 CF Jun/Jul	n.a
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	6,800 CF Jun/Jul	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	7,200 / Mt FOB Prompt	n.a
Viet Nam white (DW)	6,325 CF Jun/Jul	n.a

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.72	78.08	14,743	4.41	23,050	359.82
Tuần trước	6.68	77.74	14,505	4.40	23,050	360.08
Thay đổi	Giảm	Không đổi	Giảm	Không đổi	Không đổi	Không đổi

Nguồn:

- India: x-rates.com, Financial Benchmark India Private Ltd (FBIL)
- Indonesia: Ngân hàng Trung ương Indonesia
- Malaysia: Ngân hàng Trung ương Malaysia
- Sri Lanka: Ngân hàng Trung ương Sri Lanka
- Việt Nam : Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Trung Quốc: Hệ thống thương mại ngoại hối Trung Quốc (CFETS)